

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ THÔNG MINH

Tô Cẩn*

Hệ thống chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam đang thực hiện theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu (XK), giảm dần nhập siêu, thực hiện đầy đủ các cam kết trong khuôn khổ WTO, ASEAN, các thỏa thuận song phương, FTA. Hàm lượng giá trị gia tăng trong XK vẫn còn thấp, trong khi nhập khẩu (NK) vẫn chủ yếu là đầu vào và thiết bị toàn bộ cho XK gắn với mục tiêu ổn định đời sống và mức hưởng thụ của người dân với mục tiêu đến năm 2020 cơ bản là nước công nghiệp. Mối liên kết giữa các nhà quản lý, các nhà đàm phán và cộng đồng doanh nghiệp (DN) chưa được thông tin kịp thời khi nảy sinh các vấn đề mới xuất hiện trong đàm phán và những khó khăn khi thực thi các thỏa thuận.

Việt Nam đã tham gia các tổ chức thương mại song phương, khu vực và toàn cầu như: Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN, các Hiệp định ASEAN+, các FTA song phương với Nhật Bản và Chi Lê, gia nhập WTO. Việt Nam kết thúc đàm phán FTA với các đối tác gồm Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam với EU. Điều đặc biệt trong các Hiệp định mới này là mức độ tự do hóa cao hơn so với các Hiệp định đã ký và chiếm tới trên 90% thương mại và thu hút đầu tư của Việt Nam. Trong đó, riêng TPP và FTA Việt Nam - EU được nhìn nhận là những Hiệp định chất lượng cao với cam kết sâu rộng và lộ trình nhanh hơn so với WTO. Những cơ hội

và lợi ích từ các Hiệp định này là rất lớn và đã được nói tới rất nhiều trong thời gian qua. Nhưng vấn đề đặt ra là những thách thức, sức ép từ các hiệp định như vậy cũng không hề nhỏ, đặc biệt là với cộng đồng các DN, đối tượng có thể hưởng lợi hay chịu tác động bất lợi từ những hiệp định này.

Hội nhập kinh tế cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa với hội nhập trong các lĩnh vực khác nhưng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng đóng vai trò quan trọng. Hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thúc đẩy các quan hệ hợp tác song phương, khu vực và đa phương, tăng cường xây dựng các quan hệ đối tác mới mang lại lợi ích quốc gia. Khả năng tham gia và thực thi các thỏa thuận đang đàm phán mang tính song phương

với dung lượng thị trường rộng lớn hơn. Điều này đang đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách trong việc xây dựng và triển khai chiến lược hội nhập trong các lĩnh vực đặc biệt trong việc xây dựng chính sách kinh tế thương mại, thuế, tài chính, hải quan, đầu tư, sở hữu trí tuệ, môi trường, lao động,... phù hợp với yêu cầu và trình độ phát triển chung. Những đòi hỏi cấp thiết trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, tuy đã có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ. Sức cạnh tranh của nền kinh tế, DN và sản phẩm của Việt Nam mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế so với các nền kinh tế khu vực như: Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia,...

* Bộ Công Thương.



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và các nhà đầu tư tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Tuyên Quang năm 2017, ngày 27/02/2017

Ảnh: VGP

Hệ thống chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam đang thực hiện theo hướng đẩy mạnh XK, giảm dần nhập siêu, thực hiện đầy đủ các cam kết trong khuôn khổ WTO, ASEAN, các thỏa thuận song phương, FTA,... Việt Nam đang thực hiện việc áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với một số mặt hàng nhạy cảm (trứng, đường, lá thuốc lá, muối), giảm thuế theo lộ trình cam kết, tăng dần tỷ trọng XK đối với nhóm hàng chế biến, có giá trị gia tăng cao, giảm dần hàng XK thô, cải cách hành chính và thuận lợi hóa thương

mại, cấp giấy chứng nhận xuất xứ qua internet, tự động hóa, thông quan điện tử, minh bạch hóa và công khai hóa chính sách thương mại quốc tế, áp dụng các biện pháp chống bán phá giá,... Sau khi gia nhập WTO, mức thuế NK bình quân đối với 10.600 dòng thuế giảm từ 17,4% xuống 13,4%. Việt Nam đang áp dụng biểu thuế tiêu thụ đặc biệt từ 10-65% đối với một số loại hàng hóa hạn chế tiêu dùng như: rượu, bia, thuốc lá, ô tô, điều hòa nhiệt độ, du thuyền, bài lá, xăng các loại,... và mức thuế từ 15-40% đối với xổ số, sân

golf, casino, mát xa, karaoke, vũ trường,... Việt Nam duy trì hàng năm danh mục các mặt hàng cấm xuất, nhập khẩu (XNK) liên quan tới hóa chất nguy hiểm, động vật hoang dã quý hiếm, bảo vật quốc gia, các loại xuất bản phẩm thuộc diện cấm phổ biến, một số nhóm hàng tiêu dùng đã qua sử dụng, pháo các loại,...

Các biện pháp chủ yếu liên quan tới của chính sách thương mại quốc tế hiện đang áp dụng bao gồm các hàng rào phi thuế quan: trợ cấp XK, hạn ngạch thuế quan, qui tắc xuất xứ, trợ cấp tín dụng

XK, các qui định về chống bán phá giá, các biện pháp tự vệ, thuế đối kháng, các biện pháp vệ sinh dịch tễ, các mặt hàng quản lý chuyên ngành của các Bộ (Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Y tế, Quốc phòng, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước), các hàng rào kỹ thuật khác. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, việc sử dụng và áp dụng các biện pháp phi thuế quan trong chính sách thương mại quốc tế không phải là một biện pháp lâu dài mà theo các quy định của WTO thì các chính sách này cần được minh bạch hóa và chuyển dần sang quản lý bằng công cụ thuế quan và ở mức thấp. Việc hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế ngày càng được hoàn thiện và đòi hỏi sự tham gia không chỉ của các cơ quan nhà nước và còn của các đối tượng khác như cộng đồng DN, các hiệp hội, các cơ quan nghiên cứu, báo chí, truyền hình.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế, xây dựng các sắc thuế công bằng, thống nhất, đơn giản, thuận tiện cho mọi chủ thể

kinh doanh. Tiếp tục đổi mới chính sách tiền tệ theo hướng tự do, sử dụng linh hoạt các công cụ lãi suất, tỷ giá, quản lý ngoại hối, có các biện pháp hữu hiệu để bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng trước những biến động lớn bên ngoài. Tăng cường công tác nghiên cứu dự báo, thông tin thị trường, cảnh báo sớm những nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra do những biến động của thị trường thế giới, nhất là thị trường tài chính, tiền tệ.

Chương trình nghị sự phát triển bền vững sau năm 2015 được xem như là liên kết mạnh mẽ đối với chương trình nghị sự thương mại toàn cầu được xây dựng trên cơ sở thành công của gói Bali cũng như việc xem xét tới các mục tiêu phát triển bền vững. Các nước thành viên cần xem xét lại việc thực hiện 8 Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) do Liên hợp quốc khởi xướng từ năm 2000 mà trong đó thương mại có vai trò giúp giảm nghèo đói và đẩy mạnh sự phát triển bền vững. Mục tiêu giảm một nửa tỉ lệ nghèo đói vào năm 2015 đã được thực hiện trước thời hạn với hệ thống thương mại đa biên cởi mở và dựa trên luật lệ.

Chương trình thương mại phát triển sau năm 2015 được xem như là vấn đề đan xen liên quan tới tăng trưởng kinh tế bền vững, sự thịnh vượng, phát triển cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa, giảm khoảng cách giàu nghèo, nguồn nhân lực, đầu tư, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, giáo dục và y tế.

Quá trình hội nhập đòi hỏi không ngừng cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, gắn thu hút đầu tư với quá trình thực thi và giải ngân. Quá trình tái cơ cấu DN nhà nước góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của nhà nước tránh nguồn vốn lớn của Nhà nước bị định giá, chuyển giá, thoái vốn không theo qui luật thị trường, thiếu khách quan và minh bạch, điều tra hoặc giám sát chặt chẽ, dẫn đến việc vô tình để tài sản nhà nước rơi vào tay nhóm lợi ích thao túng hoạt động của các DN nhà nước và các tập đoàn lớn. Mặc dù chịu tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, nhưng nền kinh tế nước ta về cơ bản đã vượt qua khó khăn tiếp tục tăng trưởng. Kim ngạch thương mại với các đối tác lớn đều tăng so với các năm trước,

bước đầu khắc phục tình trạng nhập siêu, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trở lại từ năm 2012, cam kết viện trợ phát triển vẫn được duy trì ở mức ổn định. Điều này đòi hỏi làm sâu sắc hơn nữa quan hệ với các nước, xây dựng cơ chế theo dõi giám sát việc sử dụng nguồn viện trợ nước ngoài, các cơ chế hợp tác quốc tế và khu vực để tranh thủ tối đa lợi ích từ các mối quan hệ này phục vụ cho an ninh và phát triển.

Hàm lượng giá trị gia tăng trong XK vẫn còn thấp, trong khi NK vẫn chủ yếu là đầu vào và thiết bị toàn bộ cho XK gắn với mục tiêu ổn định đời sống và mức hưởng thụ của người dân với mục tiêu đến năm 2020 cơ bản là nước công nghiệp. Mặc dù tốc độ tăng trưởng đã chậm lại trong những năm gần đây do tác động bởi yếu tố khách quan và chủ quan ngắn hạn. Tốc độ tăng GDP vẫn ở mức trên 5% và Việt Nam vẫn còn sức cạnh tranh trong một số ngành công nghiệp XK (giày dép, dệt may, điện tử, đồ gỗ nội thất), nông nghiệp (cà phê, chè, các loại hạt, sản phẩm thủy sản). Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do sẽ

giúp cải thiện cán cân thương mại, tạo nhiều việc làm mới và luồng dịch chuyển lao động giữa các nước ASEAN, cải cách mạnh mẽ thể chế chính sách để tạo ra môi trường đầu tư lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

Yếu tố phát triển kinh tế tri thức, thông minh, kinh tế xanh sạch đang đặt ra đòi hỏi khách quan đối với các nhà quản lý và DN trong việc thích ứng nhanh với môi trường cạnh tranh toàn cầu, kích thích khu vực tư nhân, đặc biệt là hàng trăm nghìn các DN vừa và nhỏ có tăng trưởng nhanh và bền vững trên cơ sở tôn trọng đầy đủ các quy luật kinh tế thị trường, giảm dần và xóa bỏ tình trạng độc quyền và những cơ chế chính sách tạo ra bất bình đẳng trong kinh doanh, nhất là trong tiếp cận các nguồn lực, đầu tư nước ngoài.

Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được định hình rõ nét, chưa phát triển có hiệu quả các ngành công nghiệp ưu tiên, các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghệ cao và chưa tận dụng lợi thế về công nghệ và nguồn lực đầu tư nước ngoài để tạo tính lan toả,

thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển. Nguồn lực đầu tư để thực hiện công nghiệp hoá có nơi còn dàn trải, thiếu trọng tâm, manh mún, chộp giật, không khai thác được lợi thế kinh tế theo quy mô. Nhiều vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế do quy hoạch không hợp lý, nảy sinh nhiều tiêu cực hoặc mang tính cơ cạm nên không phát huy được tiềm năng của các vùng miền.

Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ có mang lại nhiều cơ hội hơn nhưng mặt khác thách thức cũng lớn hơn và khó khăn cũng tăng lên. Nền kinh tế và các DN Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với các đối thủ mạnh hơn với nguồn lực dồi dào hơn trong một môi trường quốc tế có nhiều biến động, khó dự đoán và có độ rủi ro cao. Điều này đòi hỏi có một cơ cấu kinh tế tổng thể hiệu quả, một hệ thống thể chế vận hành đồng bộ nền kinh tế để cạnh tranh bình đẳng và phát triển bền vững. Sự chậm trễ của cải cách hành chính so với đổi mới về kinh tế làm cho năng lực quản lý của bộ máy hành chính kém hiệu quả, nảy sinh tiêu cực, những nhiễu ảnh hưởng đến quá trình phát

triển. Nâng cao năng lực cạnh tranh của DN, các DN điều chỉnh cơ cấu và quy mô sản xuất trên cơ sở xác định đúng đắn chiến lược sản phẩm và thị trường; tăng nhanh năng lực tài chính, ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng ngày càng cao. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, XNK, giao thông,... giảm dần và loại bỏ các thủ tục không còn phù hợp, đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm và kiểm tra, giám sát.

Trong bối cảnh nhiều hiệp định FTA hoàn tất đàm phán, nếu không chủ động, các DN Việt Nam có thể lâm vào tình thế sụt giảm năng lực cạnh tranh ở môi trường kinh doanh mới. Trong ngành dệt may, một trong những ngành được cho là hưởng lợi nhiều nhất khi tham gia các FTA mà Việt Nam đang đàm phán. Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), để đạt kim ngạch XK dệt may hơn 20 tỷ USD trong năm 2013, ngành dệt may phải NK trên 80% nguyên liệu đầu vào. Cũng theo VITAS, gần

90% nguồn cung nguyên phụ liệu may vẫn phải NK từ nước ngoài. Các FTA đã ký kết cũng tạo hiệu ứng tích cực đối với Việt Nam trong cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, hoàn thiện môi trường kinh doanh để hỗ trợ và khuyến khích XK, tận dụng những cơ hội mới mà các FTA mở ra như là cơ hội thị trường để tăng cường năng lực cạnh tranh XK. Tìm kiếm thị trường mới cho các hàng nông sản có dấu hiệu suy giảm kim ngạch và gặp khó khăn trong tiêu thụ trong thời gian gần đây như gạo, cà phê, dưa hấu, hành tây tím, thanh long,... Tuy nhiên, hệ thống pháp luật và năng lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực trực tiếp liên quan đến việc thực hiện FTA còn bất cập. Mức độ sẵn sàng của các DN Việt Nam trong tham gia các FTA và sự chủ động của các DN trong khai thác, tận dụng những ưu đãi của các đối tác dành cho Việt Nam trong các FTA còn thấp.

Hoạt động kinh tế quốc tế sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng tự do, mở rộng tiếp cận thị trường toàn cầu, hoàn thiện chính sách kinh tế, cơ chế quản lý

ngày càng minh bạch hơn, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi và thông thoáng hơn, việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực sẽ hiệu quả, đúng trọng tâm trọng điểm hơn, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động nhất là lao động phổ thông, tăng trưởng kinh tế bền vững hơn. Việt Nam có địa vị bình đẳng với các thành viên khác khi tham gia vào việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn, có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ quyền lợi DN Việt Nam, hạn chế những thiệt hại có thể xảy ra. Việc kiện toàn các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương chưa được chú trọng và quan tâm hợp lý trong bối cảnh thời gian phải thực thi các thỏa thuận thương mại khu vực và thế giới. Mối liên kết giữa các nhà quản lý, các nhà đàm phán và cộng đồng DN chưa được cung cấp thông tin kịp thời khi nảy sinh các vấn đề mới xuất hiện trong đàm phán và những khó khăn khi thực thi các thỏa thuận cũng như tranh chấp thương mại có thể phát sinh. □